

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2019/HS-ST

Ngày: 14-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

Bà Nguyễn Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Nhật Thanh C (Bi), sinh năm 1999, tại: Tỉnh Long An; Thường trú: không có; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Nhật Thanh S và bà Nguyễn Hoàng D; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2018 (có mặt).

Bị hại:

Bà Huỳnh N, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Thường trú: 126 Ấp TH, xã TT, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Nhà không số, hẻm 58 T, phường HT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Hứa Tuấn A, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Trú tại: B3/16A ấp H, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2014, thông qua mạng xã hội Zalo, bà Huỳnh N và Nguyễn Nhật Thanh C quen biết nhau. Khoảng 17 giờ ngày 16/10/2018, C hẹn bà N đi chơi. Sau đó, C điều khiển xe mô tô biển số 60S1-1020 đến nhà trọ chờ bà N đi ăn tại một quán ốc ven đường đối diện trường Trung học Phổ thông Lê Minh Xuân thuộc xã Lê Minh Xuân, huyện B. Tại đây, bà N lấy điện thoại di động hiệu OPPO F9 Blue ra sử dụng thì C nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của bà N. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, C chở bà N về đến đường Kênh 8, thuộc ấp 4, xã Bình Lợi, huyện B thì C giả vờ bị đau bụng nên dừng xe lại. C đi vào lề đường hái lá cây để đi vệ sinh, rồi kêu bà N lấy điện thoại mở đèn Flash rọi cho C hái lá cây. Bà N lấy điện thoại rọi cho C thì bị C dùng tay phải giật điện thoại của bà N và sử dụng để hái lá cây. C rọi đèn vào đám lá và kêu bà N vào hái lá giúp C. Khi bà N đi vào bụi cây thì C bỏ điện thoại của bà N vào túi quần phía trước bên trái rồi đi ra xe định tẩu thoát thì bị bà N đuổi theo giữ C lại. Trong lúc hai bên giằng co tay phải của C quơ trúng vào mắt bên trái chị Như làm cho bà N bị choáng váng nên buông C ra. C lên xe tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, C đem bán cho anh Hứa Tuấn A với giá 3.600.000 đồng nhưng không cho Tuấn A biết chiếc điện thoại này do phạm tội mà có. Số tiền bán điện thoại được C đem trả cho L (chưa rõ lai lịch) 1.500.000 đồng, sửa xe hết 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết 700.000 đồng, còn lại 400.000 đồng bị Cơ quan Công an thu giữ.

Kết luận về giá tài sản số 2134/HĐG-TTHS-TCKH ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 Blue giá 7.536.200 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 132/CT-VKS ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Nhật Thanh C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

1. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng.
2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức án tù 03 năm đến 04 năm tù, trách nhiệm dân sự bà N yêu cầu bồi thường giá trị tài sản số tiền 7.536.200 đồng, yêu cầu của bà N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận có chiếm đoạt điện thoại của bà N, tuy nhiên bị cáo cho rằng lúc tẩu thoát bị cáo không đánh bà N mà bị cáo quơ tay trúng. Tại cơ quan điều tra bà N khẳng định là bị cáo đánh vào mắt trái của bà N. Lời khai này của bà N phù hợp với thương tích của bà N, đều đó khẳng định do bị cáo có ý định chiếm đoạt điện thoại của bà N từ trước nên bị cáo mới chở bà N đến đoạn đường vắng giả vờ bị đau bụng để đi vệ sinh và bị cáo dùng thủ đoạn kêu bà N lấy điện thoại mở đèn Flash rồi cho bị cáo hái lá cây thì bị cáo dùng tay phải giật điện thoại của bà N kêu bà N hái lá cây, mục đích của bị cáo là để bà N đi xa để cho việc thực hiện hành vi chiếm đoạt. Sau khi bà N hái được 02-03 lá cây thì bị cáo bỏ điện thoại của bà N vào túi quần định tẩu thoát thì bị bà N đuổi theo giữ bị cáo lại, hai bên giằng co một lúc thì bị cáo đánh vào mắt bên trái bà N rồi bị cáo lên xe tẩu thoát. Với hành vi đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung là hành hung để tẩu thoát được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét, tại phiên tòa ngày 28/6/2019 bà N khai sau khi bị cáo chiếm đoạt điện thoại thì hai bên giằng co qua lại, lúc đó là ban đêm không có người qua lại, trời rất tối chỉ có 02 người, sau đó bị cáo đánh bà thì bị cáo còn nói “ngon lại đây” nên bà N sợ, không dám chống trả lại và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng thừa nhận nếu bị cáo không lên xe chạy thoát thì bà N cũng không dám đến gần bị cáo. Điều đó cho thấy bị cáo dùng vũ lực đối với bà N làm cho bà N lâm vào tình trạng không thể chống cự lại được nhằm mục đích giữ bằng được điện thoại mà bị cáo vừa lấy được của bà N. Đây là dấu hiệu của tội “Cướp tài sản”, do đó Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Vì vậy, Tòa xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không trái với quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của bị cáo xâm phạm tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; Thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, gây mất trật tự

trị an xã hội tại địa phương; Làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của người dân. Do đó, cần có mức án nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử bị cáo với mức án nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà đáng lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Đối với thương tích ở mắt, bà N không có yêu cầu giám định nên không có căn cứ xử lý.

[7] Đối với ông Hứa Tuấn A khi mua điện thoại nhưng không biết tài sản do C phạm tội mà có nên cơ quan điều tra công an huyện B không xử lý về hành vi tiêu thụ là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh N vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện bà N đồng ý nhận lại số tiền 400.000 đồng là tiền bị cáo có được từ việc bán điện thoại của bà N, đồng thời yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.136.000 đồng. Xét yêu cầu của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần jean màu xanh. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng thu giữ của bị cáo. Đây là điện thoại bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô biển số 60S1-1020 có số khung RLCM5WP30-5Y009593, số máy 5WP3-09593. Qua giám định số khung, số máy không thay đổi, không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Qua xác minh biển số thì xe này do bà Đặng Thị T đứng tên chủ sở hữu, bà T vẫn còn đang sử dụng chiếc xe mô tô biển số như trên. C khai xe này mua của một người không rõ lai lịch, xét xe này bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Riêng biển số thì tịch thu và tiêu hủy.

- Trả lại cho bà Huỳnh N số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 586, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật Thanh C phạm tội “Cướp tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật Thanh C (Bi) 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Huỳnh N số tiền 7.136.000 (bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Thi hành một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án chưa thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương đương với số tiền và thời gian chậm trả.

[4] Xử lý vật chứng :

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký Nguyễn Nhật Thanh C và hình dấu công an xã Bình Lợi (bên trong là 01 áo sơ mi dài tay sọc caro đỏ xanh vàng, 01 quần jean màu xanh) và 01 biển số xe 60S1-1020.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký Nguyễn Nhật Thanh C và hình dấu công an xã Bình Lợi (bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng) và 01 xe mô tô có số khung RLCM5WP30-5Y009593, số máy 5WP3-09593.

- Trả lại cho bà Huỳnh N số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/6/2019 tại Kho vật chứng Cơ quan thi hành án dân sự huyện B và theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 01 ngày 30/10/2018 tại Kho bạc nhà nước huyện B.

[5] Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 356.800 (ba trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Vương